TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **296**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2025
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang;

2. Ông Châu Văn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Võ Hồng Linh – kiểm sát viên;

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-HN ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Tuyết H**, sinh năm 1984; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp BTT, xã BP, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Trần Thanh X**, sinh năm 1983; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp BTT, xã BP, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Trần Thanh X cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP theo Giấy đăng ký kết hôn số 07 ngày 22/01/2007. Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh X là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cụ thể tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, cải vã nhau thường xuyên, dẫn đến mâu thuẫn, từ năm 2023 đến nay chị đã sống ly thân với anh X không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ý V, sinh năm 2007 và Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 27/11/2018, cháu V hiện đã trưởng thành, lao động được chị không có yêu cầu gì. Cháu N chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Trần Thanh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời khai, trình bày của chị H là anh chị cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP theo 07 ngày 22/01/2007. Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ý V, sinh năm 2007 và Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 27/11/2018, cháu V hiện đã trưởng thành, lao động được. Cháu N anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận;

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi cháu N. Anh X không đồng ý ly hôn, không có yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

Về nợ chung: Không có

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phần trình bày của hai bên đương sự tại phiên toà; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H và anh X qua tìm hiểu, tổ chức đám cưới và sống chung với nhau 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Binh Phan theo Giấy đăng ký kết hôn số 07 ngày 22/01/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị H xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cụ thể H khai do anh X và chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng luôn luôn gây gỗ, không hoà hợp về mọi mặc, chị nói gì anh X cũng không quan tâm và tôn trọng chị dẫn đến phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không còn H phúc. Chị H đã sống ly thân với anh X từ năm 2023 đến nay không hàn gắn được. Anh X không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn hữu hiệu thuyết phục chị H đoàn tụ, chị H cương quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, không có cuộc sống chung, đã ly thân thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét cho chị Hanh ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ý V, sinh năm 2007 và Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 27/11/2018, cháu V hiện đã trưởng thành, lao động được. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh X không có ý kiến gì nên cần để ổn định và phù hợp với ý kiến cháu N nên giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Tự thoả thuận

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H đói với anh Trần Thanh X.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết H được quyền ly hôn với nah Trần Thanh X.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 27/11/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh X không phải phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận;

1.4. Về nợ chung: Không có

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0008787 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị H và anh X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã BP;
- Lưu hồ sơ